

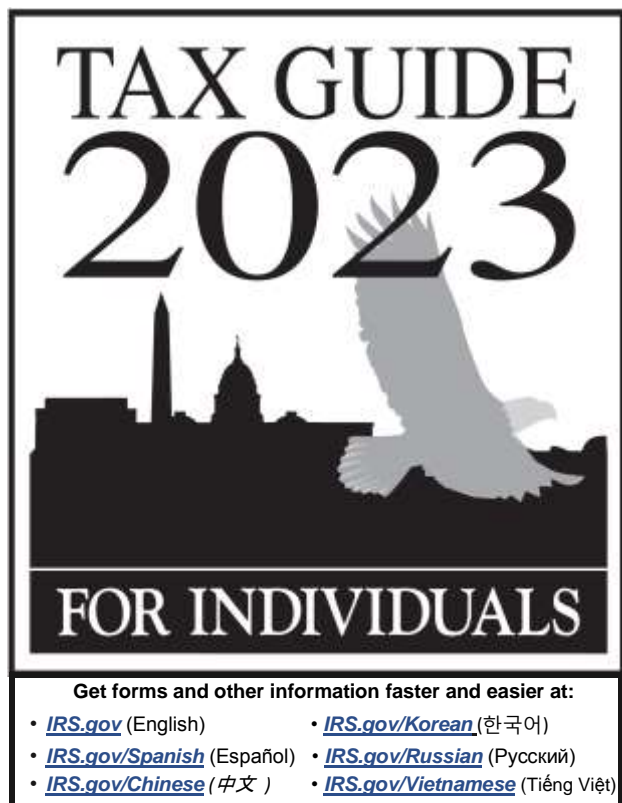
Ấn phẩm 17

Thuế thu nhập Liên bang của bạn

Dành cho Cá nhân

Để sử dụng trong
việc chuẩn bị
Tờ khai **2023**

Volume 8 of 15



Publication 17 (VIE) (Rev 2023) Catalog Number 92910P
Department of the Treasury **Internal Revenue Service** www.irs.gov



Visit the Accessibility
Page on [IRS.gov](https://www.irs.gov)

This page is intentionally left blank

7.

Phúc lợi An sinh Xã hội và Hưu trí đường sắt tương đương

Nhắc nhở

Dòng 1a đến 1z trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Dòng 1 đã mở rộng và có các dòng 1a đến 1z. Một số tiền năm trước được khai báo trên Mẫu 1040, và một số được khai báo trên Mẫu 1040-SR, bây giờ được khai báo trên Bảng 1.

- Học bổng và tiền trợ cấp nghiên cứu bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8r.
- Lương hưu hoặc niên kiêm từ kế hoạch thù lao trì hoãn không đủ điều kiện hoặc kế hoạch phi chính phủ đoạn 457 bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8t.

- Tiền công kiểm được trong lúc bị giam bấy giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8u.

Dòng 6c trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Một ô đánh dấu được bổ sung trên dòng 6c. Người đóng thuế chọn phương pháp lấy một lần cho phúc lợi của họ sẽ đánh vào ô này. Xem *Lump-Sum Election (Tùy chọn nhận một lần)* trong Ấn phẩm 915, Phúc lợi An sinh Xã hội và Hưu trí đường sắt tương đương, để biết thêm chi tiết.

Giới thiệu

Chương này giải thích các quy định thuế thu nhập liên bang dành cho phúc lợi an sinh xã hội và phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương bậc 1. Chương này giải thích các chủ đề sau đây.

- Cách xác định xem phúc lợi của bạn có phải chịu thuế hay không.
- Cách khai báo những phúc lợi chịu thuế của bạn.

- Cách sử dụng Bảng tính Phúc lợi An sinh Xã hội (kèm ví dụ).
- Các khoản khấu trừ liên quan đến phúc lợi của bạn và cách xử lý các khoản hoàn trả nhiều hơn phúc lợi bạn đã nhận trong năm.

Phúc lợi an sinh xã hội bao gồm phúc lợi hưu trí, người còn lại, và người khuyết tật hàng tháng. Trong đó không bao gồm có Tiền phụ cấp An sinh (SSI) vì khoản tiền này không chịu thuế.

Phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương bậc 1 là một phần của phúc lợi bậc 1 mà nhân viên đường sắt hoặc người thụ hưởng có quyền được nhận theo hệ thống an sinh xã hội. Những phúc lợi này thường được gọi là phần phúc lợi an sinh xã hội tương đương (SSEB) của phúc lợi bậc 1.

Nếu nhận những phúc lợi này trong năm 2023, bạn hẳn đã nhận một Mẫu SSA-1099, Báo cáo Phúc lợi An sinh Xã hội; hoặc Mẫu

RRB-1099, Khoản thanh toán của Ban Hưu trí đường sắt. Các mẫu này cho biết số tiền đã nhận và hoàn trả, và các khoản thuế đã khấu trừ trong năm. bạn có thể nhận nhiều hơn một trong các mẫu này trong cùng một năm. bạn nên cộng số tiền hiển thị trên tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 mà bạn đã nhận trong năm để tính ra tổng số tiền đã nhận và hoàn trả, và các khoản thuế đã khấu trừ cho năm đó. Xem thêm thông tin trong Appendix (Phụ lục) ở cuối Ấn phẩm 915 để tìm hiểu thêm thông tin.

Ghi chú. Thuật ngữ “phúc lợi” sử dụng trong chương này chỉ cả phúc lợi an sinh xã hội và phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1.

Tài khoản *An sinh Xã hội của tôi*. Những người thụ hưởng an sinh xã hội có thể nhanh chóng và dễ dàng tìm được thông tin trên trang web của SSA bằng một tài khoản *An sinh Xã hội của tôi* để:

- Theo dõi và xác minh thu nhập của bạn hàng năm,
- Ước tính các phúc lợi tương lai nếu bạn vẫn đang làm việc,
- Nhận thư với bằng chứng về phúc lợi mà bạn hiện đang nhận,
- Thay đổi địa chỉ,
- Bắt đầu hoặc thay đổi khoản tiền chuyển khoản trực tiếp,
- Nhận thẻ Medicare thay thế, và
- Nhận Mẫu SSA-1099 thay thế cho mùa thuế.

Để xem thêm thông tin và thiết lập tài khoản, truy cập [SSA.gov/myaccount](https://ssa.gov/myaccount) (tiếng Anh).

Những gì không đề cập đến trong chương này. Chương này không bao gồm các quy định về thuế cho các phúc lợi hưu trí đường sắt sau đây. • Phần phúc lợi tương đương

không phải an sinh xã hội (NSSEB) của phúc lợi bậc 1.

- Phúc lợi bậc 2.
- Phúc lợi kép được thụ hưởng.
- Phúc lợi niên kim bổ sung.

Để biết thêm thông tin về các phúc lợi này, vui lòng xem Ấn phẩm 575, Thu nhập lương hưu và niên kim.

Chương này không đề cập đến các quy định thuế cho phúc lợi an sinh xã hội được khai báo trên Mẫu SSA-1042S, Báo cáo Phúc lợi An sinh Xã hội; hoặc Mẫu RRB-1042S, Báo cáo cho người nhận là Người nước ngoài tạm trú của khoản thanh toán của Ban Hưu trí đường sắt. Để biết thêm thông tin về các phúc lợi này, vui lòng xem Ấn phẩm 519, Hướng dẫn thuế Hoa Kỳ cho Người nước ngoài; và Ấn phẩm 915.

Chương này không có các quy định về thuế cho các phúc lợi an sinh nước ngoài. Các phúc lợi này bị đánh thuế dưới dạng niên kim trừ khi được miễn thuế của Hoa Kỳ hoặc được coi là phúc lợi an sinh xã hội của Hoa Kỳ theo hiệp ước thuế.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ☐ **501** Người phụ thuộc, khấu trừ tiêu chuẩn và thông tin khai thuế
- ☐ **505** Khấu lưu thuế và Thuế ước tính
- ☐ **519** Hướng dẫn thuế Hoa Kỳ cho Người nước ngoài
- ☐ **575** Thu nhập lương hưu và niên kim
- ☐ **590-A** Đóng góp vào Quỹ Hưu trí Cá nhân (IRA)
- ☐ **915** Phúc lợi An sinh Xã hội và Hưu trí đường sắt tương đương

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ☐ **1040-ES** Thuế ước tính cho Cá nhân
- ☐ **SSA-1099** SSA-1099 Báo cáo Phúc lợi An sinh Xã hội
- ☐ **RRB-1099** Khoản thanh toán của Ban Hưu trí đường sắt
- ☐ **W-4V** Yêu cầu Khấu lưu tự nguyện

Để xem các mục hữu ích này và các mục khác, vui lòng truy cập [IRS.gov/Forms \(tiếng Anh\)](https://www.irs.gov/forms).

Bạn có phúc lợi nào phải chịu thuế không?

Để xem bạn có phúc lợi nào phải chịu thuế hay không, hãy so sánh mức cơ bản (giải thích ở phần sau) của tư cách khai thuế với tổng của:

1. Một nửa các phúc lợi của bạn; cộng
2. Toàn bộ thu nhập khác của bạn, bao gồm cả tiền lãi miễn thuế.

Loại trừ. Khi thực hiện so sánh, không giảm thu nhập khác của bạn bởi bất kỳ khoản loại trừ nào đối với:

- Lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện,
- Lợi ích do nhận con nuôi được chủ lao động cung cấp,
- Lãi của khoản vay giáo dục,
- Thu nhập từ nước ngoài hoặc nhà ở nước ngoài, hoặc
- Thu nhập của cư dân chân thật của Samoa thuộc Hoa Kỳ hoặc Puerto Rico.

Phúc lợi của trẻ em. Các quy định trong chương này áp dụng cho các phúc lợi nhận được của trẻ em. Xem *Ai bị đánh thuế* ở phần sau.

Tính tổng thu nhập. Để tính được tổng của một nửa phúc lợi cộng với thu nhập khác của bạn, hãy sử dụng Bảng tính 7-1 được đề cập ở phần sau. Nếu tổng lớn hơn mức cơ bản,

một phần phúc lợi của bạn có thể bị đánh thuế.

Nếu bạn đã lập gia đình và khai thuế chung năm 2023, bạn và vợ/chồng phải kết hợp thu nhập và phúc lợi của cả hai vợ chồng để tính xem có khoản phúc lợi kết hợp nào phải chịu thuế không. Ngay cả khi vợ/chồng của bạn không nhận bất kỳ phúc lợi nào, bạn vẫn cần cộng tổng thu nhập của cả hai vợ chồng để tính xem có khoản phúc lợi kết hợp nào phải chịu thuế không.



Nếu thu nhập duy nhất bạn nhận được trong năm 2023 là an sinh xã hội hoặc một phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1, thì phúc lợi của bạn thường không bị đánh thuế và bạn có thể không phải khai thuế. Nếu bạn có thêm thu nhập ngoài các phúc lợi, bạn có thể phải khai thuế ngay cả khi không phúc lợi nào phải chịu thuế. Xem Tôi có phải khai thuế không? trong chương 1 trước đó; Ấn phẩm 501; hoặc hướng dẫn của

tờ khai thuế để xem bạn có phải khai thuế hay không.

Mức cơ bản. Mức cơ bản của bạn là:

- \$25.000 nếu bạn là người độc thân, chủ gia đình, hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện;
- \$25.000 nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2023;
- \$32.000 nếu bạn là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc
- \$0 nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống cùng nhau trong năm 2023.

Bảng tính 7-1. bạn có thể sử dụng Bảng tính 7-1 để tính tổng thu nhập và so với mức cơ bản của mình. Đây là một cách xác định nhanh chóng phần phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế.

Bảng tính 7-1. **Cách nhanh chóng xác định phúc lợi chịu thuế.**

Ghi chú. Nếu bạn dự định khai thuế thu nhập chung, hãy bao gồm cả số tiền của vợ/chồng mình, nếu có, vào các dòng A, C và D.

A. Nhập tổng số tiền từ **ô 5** trong **tất cả** các **Mẫu SSA-1099** và **RRB-1099**. Tính cả toàn bộ số tiền thanh toán phúc lợi một lần nhận được trong năm 2023, cho năm 2023 và những năm trước đó. (Nếu nhận được hơn một mẫu, bạn hãy gộp số tiền từ ô 5 và nhập tổng số tiền.) A. _____

Ghi chú. Nếu số tiền ở dòng A nhỏ hơn hoặc bằng 0, hãy dừng lại; bạn không có khoản phúc lợi nào phải chịu thuế năm nay.

B. Nhân dòng A với 50% (0,50) . B. _____

C. Nhập tổng các khoản thu
nhập chịu thuế (trừ dòng A),
như lương hưu, tiền công, lãi
suất, cổ tức thông thường và
phân phối lợi nhuận đầu tư.
Không trừ vào thu nhập các
khoản khấu trừ, loại trừ (được
liệt kê trước đó), hoặc miễn
trừ C. _____

D. Nhập các khoản thu nhập từ
lãi suất được miễn thuế như
tiền lãi trái phiếu đô thị D. _____

E. Cộng dòng B, C và D E. _____

Ghi chú. So sánh khoản tiền ở dòng E với **mức cơ bản** cho tư cách khai thuế của bạn. Nếu khoản trên dòng E nhỏ hơn hoặc bằng **mức cơ bản** của tư cách khai thuế, không có phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế năm nay.

Nếu khoản trên dòng E lớn hơn **mức cơ bản**, một số phúc lợi của bạn có thể phải chịu thuế và bạn cần hoàn thiện Bảng tính 1 trong Ấn phẩm 915 (hoặc Bảng tính Phúc Lợi An sinh Xã hội trong hướng dẫn biểu mẫu thuế của bạn). Nếu không có phúc lợi nào phải chịu thuế, bạn vẫn phải khai thuế, hãy xem *Phúc lợi không chịu thuế*, dưới đây, trong mục *Cách khai báo phúc lợi*.

Ví dụ. Bạn cùng vợ/chồng (đều trên 65 tuổi) đang khai thuế chung năm 2023 và cả hai đều đã nhận phúc lợi an sinh xã hội trong năm này. Tháng 1 năm 2024, bạn đã nhận Mẫu SSA-1099 thể hiện phúc lợi ròng \$1.500 trong ô 5. Vợ/chồng của bạn đã nhận một Mẫu SSA-1099 thể hiện phúc lợi ròng \$700 trong ô 5. Bạn cũng nhận được tiền lương hưu chịu thuế \$30.100 và thu nhập từ tiền lãi là \$700. Bạn không có khoản thu nhập từ tiền lãi được miễn thuế nào. Các phúc lợi của bạn không bị đánh thuế cho năm 2023 bởi thu nhập của bạn, như tính toán trong Bảng tính

7-1, không lớn hơn mức cơ bản (\$32.000) áp dụng cho vợ chồng khai chung hồ sơ thuế.

Tuy không có phúc lợi nào phải chịu thuế, bạn vẫn phải khai thuế cho năm 2023 vì tổng thu nhập phải chịu thuế của bạn là (\$30.800) vượt quá yêu cầu khai thuế tối thiểu cho tư cách khai thuế của bạn.

Bảng tính 7-1 đã điền. **Cách nhanh chóng xác định phúc lợi chịu thuế.**

Ghi chú. Nếu bạn dự định khai thuế thu nhập chung, hãy bao gồm cả số tiền của vợ/chồng mình, nếu có, vào các dòng A, C và D.

A. Nhập tổng số tiền từ **ô 5** trong **tất cả** các **Mẫu SSA-1099** và **RRB-1099**. Tính cả toàn bộ số tiền thanh toán phúc lợi một lần nhận được trong năm 2023, cho năm 2023 và những năm trước đó. (Nếu nhận được hơn một A.

mẫu, bạn hãy gộp số tiền từ
ô 5 và nhập tổng số tiền.) . .

\$2,200

Ghi chú. Nếu số tiền ở dòng A nhỏ hơn hoặc bằng 0, hãy dừng lại; bạn không có khoản phúc lợi nào phải chịu thuế năm nay.

B. Nhân dòng A với 50% (0,50) B. 1,100

C. Nhập tổng các khoản thu nhập chịu thuế (trừ dòng A), như lương hưu, tiền công, lãi suất, cổ tức thông thường và phân phối lợi nhuận đầu tư. Không trừ vào thu nhập các khoản khấu trừ, loại trừ (được liệt kê trước đó), hoặc miễn trừ C. 30,800

D. Nhập các khoản thu nhập từ
lãi suất được miễn thuế như
tiền lãi trái phiếu đô thị D. -0-

E. Cộng dòng B, C và D E. \$31,900

Ghi chú. So sánh khoản tiền ở dòng E với **mức cơ bản** cho tư cách khai thuế của bạn. Nếu khoản trên dòng E nhỏ hơn hoặc bằng **mức cơ bản** của tư cách khai thuế, không có phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế năm nay. Nếu khoản trên dòng E lớn hơn **mức cơ bản**, một số phúc lợi của bạn có thể phải chịu thuế và bạn cần hoàn thiện Bảng tính 1 trong Ấn phẩm 915 (hoặc Bảng tính Phúc lợi An sinh Xã hội trong hướng dẫn biểu mẫu thuế của bạn). Nếu không có phúc lợi nào phải chịu thuế, bạn vẫn phải khai thuế, hãy xem Phúc lợi không chịu thuế, dưới đây, trong mục *Cách khai báo phúc lợi*.

Ai bị đánh thuế. Phúc lợi được tính vào thu nhập chịu thuế (trong phạm vi phải chịu thuế) của người có quyền hợp pháp nhận các phúc lợi. Chẳng hạn, nếu bạn và con mình nhận phúc lợi, nhưng séc phúc lợi của con bạn được thực hiện dưới tên bạn, bạn chỉ phải sử dụng phần phúc lợi của mình để xem phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế. Một nửa của phần phúc lợi thuộc về con cái phải được cộng vào phần thu nhập khác của con để xem có phúc lợi nào của con bạn phải chịu thuế hay không.

Hoàn trả phúc lợi. Các khoản hoàn trả phúc lợi bạn thực hiện năm 2023 phải được trừ vào tổng phúc lợi bạn nhận trong năm 2023. Việc hoàn trả phúc lợi bạn nhận năm 2023 hay năm trước đó đều không quan trọng. Nếu bạn hoàn trả một khoản lớn hơn tổng phúc lợi bạn nhận được năm 2023, xem Hoàn trả nhiều hơn tổng phúc lợi ở phần sau.

Tổng phúc lợi của bạn thể hiện trong ô 3 của Mẫu SSA-1099 hoặc RRB-1099. Các khoản hoàn trả thể hiện trong ô 4. Khoản tiền trong

ô 5 là phúc lợi ròng của bạn năm 2022 (ô 3 trừ ô 4). Sử dụng khoản tiền trong ô 5 để tính toán xem có khoản phúc lợi nào phải chịu thuế hay không.

Khấu lưu thuế và thuế ước tính. Bạn có thể chọn khấu lưu thuế thu nhập liên bang vào các phúc lợi an sinh xã hội và/hoặc phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1 của mình. Nếu chọn khấu lưu như vậy, hãy hoàn thành Mẫu W-4V.

Nếu không chọn khấu lưu thuế thu nhập, bạn có thể yêu cầu khấu lưu bổ sung vào thu nhập khác hoặc đóng thuế ước tính trong suốt năm. Để biết cụ thể hơn, hãy xem chương 4, được đề cập trước đó trong Ấn phẩm 505; hoặc Hướng dẫn cho Mẫu 1040-ES.

Cách khai báo phúc lợi

Nếu một phần phúc lợi của bạn phải chịu thuế, bạn phải sử dụng Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Khai báo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Khai báo phúc lợi ròng của bạn (tổng các khoản trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và Mẫu RRB-1099) trên dòng 6a và phần chịu thuế trên dòng 6b. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống xa vợ/chồng trong suốt năm 2023, hãy nhập "D" vào bên phải từ "benefits (phúc lợi)" trên dòng 6a.

Phúc lợi không chịu thuế. Khai báo phúc lợi ròng của bạn (tổng các khoản trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và Mẫu RRB-1099) trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống xa vợ/chồng trong suốt năm 2022, hãy nhập "D" vào bên phải từ "benefits (phúc lợi)" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

Số tiền phải chịu thuế là bao nhiêu?

Nếu một phần phúc lợi của bạn phải chịu thuế thì số tiền phải chịu thuế tùy thuộc vào tổng phúc lợi và thu nhập khác của bạn. Nhìn

chung, tổng các khoản càng cao, phần phúc lợi chịu thuế càng lớn.

Phần chịu thuế tối đa. Thông thường, tối đa 50% các phúc lợi của bạn phải chịu thuế. Tuy nhiên, có thể tối đa 85% các phúc lợi của bạn phải chịu thuế nếu bạn gặp một trong hai trường hợp sau.

- Tổng của một nửa phúc lợi và tất cả thu nhập khác lớn hơn \$34.000 (\$44.000 nếu vợ chồng khai chung hồ sơ thuế).
- bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống cùng với vợ/chồng trong năm 2023.

Dùng bảng tính nào. Bảng tính bạn có thể sử dụng để tính các phúc lợi chịu thuế của mình có trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040. bạn có thể dùng bảng tính đó hoặc Bảng tính 1 trong Ấn phẩm 915, trừ khi bạn gặp một trong các trường hợp sau.

1. bạn đã đóng góp vào một quỹ hưu trí cá nhân (IRA) và bạn hoặc vợ/chồng của bạn tham gia chương trình hưu trí

ở chỗ làm. Khi đó, bạn phải sử dụng bảng tính đặc biệt trong Appendix (Phụ lục) B của Ấn phẩm 590-A để tính toán cả khấu trừ IRA và các phúc lợi chịu thuế.

2. Trường hợp 1 không áp dụng và bạn loại trừ lãi suất từ trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của

Hoa Kỳ (Mẫu 8815), cho phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839), cho thu nhập kiếm được từ nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555), hoặc cho thu nhập kiếm được tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563) hoặc Puerto Rico bởi thường trú nhân trung thực. Khi đó, bạn phải sử dụng Bảng tính 1 trong Ấn phẩm 915 để tính toán phúc lợi chịu thuế.

3. bạn đã được thanh toán một lần năm trước đó. Khi đó, bạn cũng cần hoàn thành Bảng tính 2 hoặc 3 và Bảng tính 4 trong Ấn phẩm 915. Xem Tùy chọn nhận một lần tiếp sau đây.

Tùy chọn nhận một lần. Bạn phải tính cả phần chịu thuế của khoản tiền được thanh toán một lần (truy lĩnh) cho các phúc lợi nhận được vào năm 2023 vào thu nhập năm 2023 của mình, ngay cả khi khoản thanh toán bao gồm phúc lợi của năm trước đó.



Dòng 6c: Đánh dấu ô trên dòng 6c nếu bạn chọn sử dụng phương pháp nhận tiền một lần cho phúc lợi của bạn. Nếu bất kỳ phúc lợi nào của bạn chịu thuế trong năm 2022 và bao gồm thanh toán nhận một lần cho năm trước đó, bạn có thể giảm số tiền chịu thuế với tùy chọn nhận tiền một lần. Xem Lump-Sum Election (Tùy chọn nhận một lần) trong Ấn phẩm 915 để biết thêm chi tiết.



Tránh nhầm lẫn khoản thanh toán phúc lợi một lần này với phúc lợi tiền tử tuất trả một lần mà cả SSA và RRB thanh toán cho nhiều người thụ hưởng của họ. Phúc lợi tiền tử tuất trả một lần không chịu thuế.

Nói chung, bạn sử dụng thu nhập năm 2023 của mình để tính phần chịu thuế trong tổng phúc lợi nhận được năm 2023. Tuy nhiên, bạn có thể tính riêng phần chịu thuế của khoản thanh toán một lần cho một năm trước đó bằng cách sử dụng thu nhập năm trước đó của bạn. bạn có thể dùng phương pháp này nếu hạ thấp được phúc lợi chịu thuế của mình.

Thực hiện lựa chọn. Nếu bạn nhận khoản thanh toán phúc lợi một lần năm 2023 có bao gồm phúc lợi của một hay các năm trước đó, hãy làm theo hướng dẫn trong Ấn phẩm 915 mục *Lump-Sum Election (Tùy chọn nhận một lần)* để xem nếu chọn thì có hạ thấp phúc lợi chịu thuế hay không. Nội dung đó cũng giải thích cách đưa ra lựa chọn.



Do các phúc lợi chịu thuế của năm trước đó được tính vào thu nhập năm 2023 của bạn, sẽ không có điều chỉnh nào đối với tờ khai thuế của năm trước đó.

Không nộp tờ khai thuế được điều chỉnh cho năm trước đó.

Ví dụ

Dưới đây là một số trường hợp bạn có thể xem làm hướng dẫn tính phần chịu thuế trong phúc lợi của mình.

Ví dụ 1. George White độc thân và nộp Mẫu 1040 cho năm 2023. Thu nhập của ông trong năm 2023 như sau.

Lương hưu chịu thuế đầy đủ	\$18.600
Lương từ công việc làm thêm	9.400
Thu nhập từ tiền lãi chịu thuế	<u>990</u>
Tổng	<u>\$28.990</u>

George cũng đã hưởng phúc lợi an sinh xã hội trong suốt năm 2023. Mẫu SSA-1099 ông nhận vào tháng 01 năm 2024 có ghi \$5.980 trong ô 5. Để tính phúc lợi chịu thuế của

mình, George hoàn thành mẫu tính toán như dưới đây.

Bảng tính 1 đã điền. **Tính phúc lợi chịu thuế**


- 1.** Nhập tổng tiền từ **ô 5**
của **tất cả** các **Mẫu**
SSA-1099 và **RRB-**
1099. Đồng thời nhập
số tiền này vào Mẫu
1040 hoặc 1040-SR,
dòng 6a . . . \$5.980
- 2.** Nhân dòng 1 với 50% (0,50) . . . 2.990
- 3.** Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu
1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1,
2b, 3b, 4b, 5b, 7, và 8 28.990
- 4.** Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu
1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a . . . -0-
- 5.** Nhập tổng số tiền loại trừ/điều
chỉnh cho: -0-

- Phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28),
- Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và
- Thu nhập nhất định của cư dân có chân thật tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico

6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 ở trên 31.980

7. Nhập tổng các khoản vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 đến 20; và 23 và 25 -0-

8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?

Không.  bạn không có phúc lợi an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0-

vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.

Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6 31.980


9. Nếu bạn là:

- Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập \$32.000; hoặc
- Độc thân, chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn **không sống cùng** vợ/chồng trong năm 2023, nhập \$25.000

25.000

Ghi chú. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của bạn vào bất kỳ thời điểm nào năm 2023, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Xong thì đến dòng 18.

10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?

Không.  bạn không có phúc lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng nhau** trong suốt năm 2023, hãy nhập "D" vào bên phải từ "benefits (phúc lợi)" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8 6.980

11. Nhập \$12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc \$9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng** vợ/chồng trong suốt năm

2023 9.000

- | | |
|---|----------------|
| 12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0- | <u>-0-</u> |
| 13. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 10 hoặc 11 | <u>6.980</u> |
| 14. Nhân dòng 13 với 50% (0,50) | <u>3.490</u> |
| 15. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 2 hoặc 14 | <u>2.990</u> |
| 16. Nhân dòng 12 với 85% (0,85). Nếu dòng 12 bằng không, nhập -0- | <u>-0-</u> |
| 17. Cộng dòng 15 với 16 | <u>2.990</u> |
| 18. Nhân dòng 1 với 85% (0,85) . | <u>5.083</u> |
| 19. Phúc lợi chịu thuế. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 17 hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b | <u>\$2.990</u> |

Số liệu trên dòng 19 trong mẫu tính toán của George cho thấy \$2.990 trong phúc lợi an sinh xã hội của ông phải chịu thuế. Trên dòng 6a của Mẫu 1040, George nhập phúc lợi ròng của mình là \$5.980. Trên dòng 6b, ông nhập phúc lợi chịu thuế là \$2.990.

Ví dụ 2. Ray và Alice Hopkins khai chung hồ sơ thuế vào Mẫu 1040 cho năm 2023. Ray đã nghỉ hưu và nhận lương hưu có tính thuế đầy đủ là \$15.500. Ông cũng được hưởng phúc lợi an sinh xã hội, và Mẫu SSA-1099 cho năm 2023 của ông cho thấy phúc lợi ròng là \$5.600 trong ô 5. Alice làm việc cả năm và có thù lao \$14.000. Cô ấy đã thực hiện thanh toán được khấu trừ vào trương mục IRA của mình là \$1.000 và không tham gia chương trình hưu trí tại cơ quan. Ray và Alice có hai tài khoản tiết kiệm với tổng thu nhập từ tiền lãi chịu thuế là \$250. Họ hoàn thành Bảng tính 1 phía dưới, nhập \$29.750 (\$15.500 + \$14.000 + \$250) vào dòng 3. Họ thấy không có phúc lợi an sinh xã hội nào của Ray phải

chịu thuế. Trong Mẫu 1040, họ nhập \$5.600 vào dòng 6a và -0- vào dòng 6b.

Bảng tính 1 đã điền. **Tính phúc lợi chịu thuế**

- 1.** Nhập tổng tiền từ **ô 5** của **tất cả** các **Mẫu SSA-1099** và **RRB-1099**. Đồng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a \$5.600

- 2.** Nhân dòng 1 với 50% (0,50) 2.800

- 3.** Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7, và 8 . 29.750

- 4.** Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a -0-

5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho:

- Phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28),
- Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và
- Thu nhập nhất định của cư dân có chân thật tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico . . .

. . . -0-


6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 ở trên

32.550

7. Nhập tổng các khoản vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 đến 20; và 23 và 25

1.000

8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?

Không.  bạn không có phúc lợi an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.

Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6 31.550


9. Nếu bạn là:

- Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập \$32.000; hoặc
- Độc thân, chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn **không sống cùng** vợ/chồng trong năm 2023, nhập \$25.000
..

32.000

Ghi chú. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của bạn vào bất kỳ thời điểm nào năm 2023, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Xong thì đến dòng 18.

10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?

Không.  bạn không có phúc lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng nhau** trong suốt năm 2023, hãy nhập "D" vào bên phải từ "phúc lợi" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8 _____

- 11.** Nhập \$12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc \$9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng** vợ/chồng trong suốt năm 2023 _____
- 12.** Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0- _____
- 13.** Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 10 hoặc 11 _____
- 14.** Nhân dòng 13 với 50% (0,50) . _____
- 15.** Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 2 hoặc 14 _____

- 16.** Nhân dòng 12 với 85% (0,85).
Nếu dòng 12 bằng không, nhập
-0- _____
- 17.** Cộng dòng 15 với 16 _____
- 18.** Nhân dòng 1 với 85% (0,85) . . _____
- 19. Phúc lợi chịu thuế.** Nhập số
tiền nhỏ hơn của dòng 17
hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu
này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-
SR, dòng 6b _____

Ví dụ 3. Joe và Betty Johnson khai chung hồ sơ thuế vào Mẫu 1040 cho năm 2023. Joe là công nhân đường sắt đã nghỉ hưu và năm 2023 hưởng một phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1. Mẫu RRB-1099 của Joe ghi \$10.000 trong ô 5. Betty là nhân viên nhà nước đã nghỉ hưu và nhận lương hưu chịu thuế đầy đủ là \$38.000. Họ có \$2.300 thu nhập từ lãi chịu thuế cộng với \$200 lãi trên

một trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ. Lãi trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện để loại trừ. Họ sử dụng Bảng tính 1, đặt ở phía dưới, để tính toán phúc lợi chịu thuế của mình. Do có trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ, họ làm theo lưu ý ở phần đầu ở mẫu tính toán và sử dụng số liệu ở dòng 2 Bảng B (Mẫu 1040) thuộc dòng 3 của mẫu tính toán thay vì số liệu trên dòng 2b của Mẫu 1040. Ở dòng 3 của mẫu tính toán, họ nhập \$40.500 (\$38.000 + \$2.500).

Bảng tính 1 đã điền. **Tính phúc lợi chịu thuế**

Trước khi bắt đầu:

- Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2022, nhập "D" vào bên phải từ "benefits (phúc lợi)" của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.
- Không dùng mẫu thanh toán này nếu bạn đã hoàn trả các phúc lợi năm 2023 và tổng

khoản hoàn trả (ô 4 của Mẫu SSA-1099 và RRB-1099) nhiều hơn tổng phúc lợi năm 2023 của bạn (ô 3 của Mẫu SSA-1099 và RRB-1099). Không có phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế năm 2023. Để biết thêm thông tin, hãy xem mục Hoàn trả nhiều hơn tổng phúc lợi ở phần sau.

- Nếu bạn đang khai Mẫu 8815, Loại trừ lãi từ Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ sê-ri EE và I phát hành sau năm 1989, không tính số liệu ở dòng 2b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR ở dòng 3 của mẫu tính toán này. Thay vào đó, tính số liệu trong Bảng B (Mẫu 1040), dòng 2.

1. Nhập tổng tiền từ **ô 5** của **tất cả** các **Mẫu SSA-1099** và **RRB-1099**. Đồng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a . . . \$10.000

2. Nhân dòng 1 với 50% (0,50) . . . 5.000

3. Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7, và 8 40.500

4. Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a -0-


5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho:
 - Phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28), -0-

- Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và
- Thu nhập nhất định của cư dân có chân thật tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico . .

6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 ở trên 45.500

7. Nhập tổng các khoản vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 đến 20, và 23 và 25 -0-

8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?

Không.  bạn không có phúc lợi an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.


Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6 45.500

9. Nếu bạn là:

- Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập \$32.000; hoặc
- Độc thân, chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và bạn **không sống cùng** vợ/chồng trong năm 2023, nhập \$25.000 32.000

Ghi chú. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của bạn vào bất kỳ thời điểm nào năm 2023, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Xong thì đến dòng 18.

10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?

Không.  bạn không có phúc lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu bạn là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng nhau** trong suốt năm 2022, hãy nhập "D" vào bên phải từ "benefit (phúc lợi)" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8 13.500

11. Nhập \$12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc \$9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng** vợ/chồng trong suốt năm 2023 12.000

12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0- 1.500

- 13.** Nhập **số tiền nhỏ hơn** của
dòng 10 hoặc 11 12.000
- 14.** Nhân dòng 13 với 50% (0,50) . 6.000
- 15.** Nhập **số tiền nhỏ hơn** của
dòng 2 hoặc 14 5.000
- 16.** Nhân dòng 12 với 85% (0,85).
Nếu dòng 12 bằng không, nhập
-0- 1.275
- 17.** Cộng dòng 15 với 16 6.275
- 18.** Nhân dòng 1 với 85% (0,85) . . 8.500
- 19. Phúc lợi chịu thuế.** Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 17
hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu
này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-
SR, dòng 6b \$6.275

Hơn 50% phúc lợi của Joe phải chịu thuế do thu nhập ở dòng 8 của mẫu tính toán (\$45.500) lớn hơn \$44.000. (Xem *Phần chịu thuế tối đa* trong phần *Số tiền phải chịu thuế là bao nhiêu*, được đề cập trước đó.) Joe và Betty nhập \$10.000 vào Mẫu 1040, dòng 6a; và \$6.275 vào Mẫu 1040, dòng 6b.

Các khoản khấu trừ liên quan đến phúc lợi của bạn

Bạn có thể có quyền khấu trừ một số tiền nhất định liên quan đến các phúc lợi được hưởng.

Thanh toán cho người khuyết tật. Có thể bạn đã nhận khoản thanh toán cho người khuyết tật từ đơn vị sử dụng lao động hoặc công ty bảo hiểm mà bạn đã kê vào thu nhập trong tờ khai thuế của mình trong năm trước đó. Nếu bạn được SSA hoặc RRB thanh toán một lần, và phải hoàn trả cho đơn vị sử dụng lao động hoặc công ty bảo hiểm khoản thanh toán cho người khuyết tật, bạn có thể lấy

khấu trừ từng khoản cho khoản thanh toán đã tính vào tổng thu nhập của năm trước đó.

Nếu số tiền hoàn trả lớn hơn \$3.000, bạn có thể xin hoàn lại một tín thuế thay thế. Yêu cầu khoản khấu trừ hoặc khoản tín dụng theo cách tương tự được giải thích tại phần *Hoàn trả phúc lợi đã nhận được trong năm trước* trong phần *Hoàn trả nhiều hơn tổng phúc lợi* tiếp theo.

Hoàn trả nhiều hơn tổng phúc lợi

Trong một số trường hợp, Mẫu SSA-1099 hoặc RRB-1099 sẽ thể hiện tổng thu nhập bạn đã hoàn trả (ô 4) nhiều hơn tổng thu nhập (ô 3) bạn nhận được. Nếu vậy, phúc lợi ròng của bạn trong ô 5 sẽ là số âm (một con số trong ngoặc đơn) và không có phúc lợi nào của bạn phải chịu thuế. Không dùng mẫu tính toán trong trường hợp này. Nếu nhận được nhiều hơn một mẫu, một số âm trong ô 5 của mẫu này được dùng để bù cho một số dương trong ô 5 của mẫu kia trong cùng năm đó.

Nếu có bất kỳ câu hỏi nào về số âm này, bạn hãy liên hệ với [văn phòng SSA](#) hoặc [văn phòng RRB khu vực](#) của địa phương của bạn.

Tờ khai thuế chung. Nếu bạn và vợ/chồng khai thuế chung, và Mẫu SSA-1099 hoặc RRB-1099 của bạn có số âm trong ô 5, nhưng của vợ/chồng bạn không có, lấy số tiền ở ô 5 trong mẫu của vợ/chồng

trừ đi số tiền ở ô 5 trong mẫu của bạn. Hãy làm vậy để tính phúc lợi ròng khi tính toán xem phúc lợi kết hợp của hai vợ chồng có phải chịu thuế không.

Ví dụ. John và Mary khai thuế chung cho năm 2023. John nhận Mẫu SSA-1099 hiển thị \$3.000 trong ô 5. Mary cũng nhận Mẫu SSA-1099 với số tiền trong ô 5 là (\$500). John và Mary sẽ sử dụng \$2.500 (\$3.000 trừ \$500) làm phúc lợi ròng của họ khi tính xem phúc lợi kết hợp của hai vợ chồng có phải chịu thuế không.

Hoàn trả phúc lợi đã nhận được trong năm trước. Nếu tổng số tiền trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 là một số âm, bạn có thể khấu trừ một phần số âm này biểu thị cho phúc lợi bạn tính vào tổng thu nhập một năm trước đó nếu số tiền lớn hơn \$3.000. Nếu con số ít hơn hoặc bằng \$3.000, nó sẽ được xem là khoản khấu trừ từng khoản khác và không thể khấu trừ được nữa.

Khấu trừ trên \$3.000. Nếu khoản khấu trừ trên \$3.000, bạn có thể tính thuế theo hai cách.

1. Tính thuế cho năm 2023 với khoản khấu trừ từng khoản tính trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.
2. Tính thuế cho năm 2023 theo các bước sau.
 - a. Tính thuế không có khoản khấu trừ từng khoản tính trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.

- b. Đối với mỗi năm sau năm 1983 mà phần của số âm biểu thị phúc lợi đã hoàn trả, hãy tính lại các khoản phúc lợi chịu thuế của bạn như thể tổng phúc lợi của bạn trong năm đã bị giảm đi bằng đúng phần đó của số âm. Sau đó tính lại thuế của năm đó.
- c. Lấy (b) tổng số tiền thuế thực tế của bạn trừ đi tổng số tiền thuế đã tính lại.
- d. Lấy kết quả ở (a) trừ kết quả ở (c).

So sánh tiền thuế tính theo hai cách 1 và 2. Thuế của bạn năm 2023 là số nhỏ hơn trong hai số. Nếu cách 1 tính cho thuế ít hơn, hãy lấy khoản khấu trừ từng khoản trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16. Nếu cách 2 tính cho thuế ít hơn, yêu cầu hoàn lại tín thuế cho số tiền ở bước 2c ở trên trong Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 13z. Nhập "I.R.C. 1341" trên dòng để nhập. Nếu cả hai cách tính cho số

thuế như nhau, khấu trừ khoản hoàn trả trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.

8.

Thu nhập khác

Quy định mới

Việc tạm thời khấu trừ 100% bữa ăn kinh doanh đã hết hạn. Đoạn 210 của Đạo luật Sự chắc chắn của Người đóng thuế và Cứu trợ thuế do thiên tai năm 2020 quy định việc tạm thời khấu trừ 100% bữa ăn kinh doanh đối với thực phẩm hoặc đồ uống do nhà hàng cung cấp và được thanh toán hoặc phát sinh sau ngày 31 tháng 12, 2020 và trước ngày 1 tháng 1, 2023.

Nhắc nhở

Bồi thường thất nghiệp. Nếu bạn đã nhận được bồi thường thất nghiệp nhưng chưa nhận được Mẫu 1099-G, Một số khoản thanh toán nhất định của Chính phủ qua thư, có thể

bạn cần truy cập thông tin của mình qua trang web của tiểu bang để nhận Mẫu 1099-G điện tử.

Giới thiệu

Bạn phải khai báo vào tờ khai thuế của mình tất cả các khoản thu nhập mà bạn nhận được dưới dạng tiền, tài sản và dịch vụ trừ khi luật thuế quy định rằng bạn không cần khai báo những khoản mục này vào tờ khai thuế. Tuy nhiên, một số khoản mục chỉ được loại trừ một phần khỏi thu nhập. Chương này thảo luận về các loại thu nhập và xác định những thu nhập đó có phải chịu thuế hay không.

- Thu nhập chịu thuế phải được khai báo trên tờ khai thuế của bạn và phải chịu thuế.
- Thu nhập không chịu thuế phải được khai báo trên tờ khai thuế của bạn nhưng không phải chịu thuế.

Mở đầu chương là nội dung thảo luận về các khoản thu nhập dưới đây.

- Trao đổi.
- Nợ được hủy.
- Tiệc bán hàng mà bạn là người tổ chức.
- Tiền bảo hiểm nhân thọ.
- Thu nhập từ hợp danh.
- Thu nhập từ công ty S.
- Phục hồi (bao gồm tiền hoàn thuế thu nhập của tiểu bang).
- Tiền cho thuê tài sản cá nhân.
- Hoàn trả.
- Tiền bản quyền.
- Quyền lợi thất nghiệp.
- Trợ cấp xã hội và các phúc lợi trợ giúp công cộng khác.

Sau những chủ đề này là nội dung thảo luận ngắn gọn về các khoản thu nhập khác.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ăn phẩm

- ☐ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ☐ **504** Cá nhân đã ly hôn hoặc ly thân
- ☐ **523** Bán nhà của bạn
- ☐ **525** Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế
- ☐ **544** Bán và cách xử lý khác của tài sản
- ☐ **547** Thiệt hại, Thiên tai, và Trộm cắp
- ☐ **550** Thu nhập và chi phí đầu tư
- ☐ **4681** Nợ được hủy, Tịch biên, Thu hồi, và Bỏ đi

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms \(tiếng Anh\)](https://www.irs.gov/forms).

Trao đổi

Trao đổi là hoạt động hoán đổi tài sản hoặc dịch vụ. Bạn phải khai báo giá trị thị trường hợp lý của tài sản hoặc dịch vụ mà bạn nhận được từ giao dịch trao đổi vào thu nhập của mình tại thời điểm nhận được. Nếu bạn trao đổi dịch vụ với một người khác và cả hai đã đồng ý trước về giá trị của dịch vụ thì giá trị đó sẽ được coi là giá trị thị trường hợp lý trừ khi được chứng minh là không chính xác.

Bạn thường khai báo thu nhập này trên Bảng C (Mẫu 1040), Lợi nhuận hoặc Lỗ từ kinh doanh. Tuy nhiên, nếu giao dịch trao đổi liên quan tới loại hình khác ngoài dịch vụ, như trong Ví dụ 3 dưới đây, bạn có thể phải sử dụng mẫu đơn hoặc bảng liệt kê khác để thay thế.

Ví dụ 1. Bạn là luật sư tự kinh doanh thực hiện các dịch vụ pháp lý cho khách hàng, một cơ sở kinh doanh cỡ nhỏ. Doanh nghiệp gửi cho bạn cổ phần chứng khoán của mình để

thanh toán cho các dịch vụ đã sử dụng. Bạn phải gộp giá trị thị trường hợp lý của cổ phần chứng khoán vào thu nhập của bạn trên Bảng C (Mẫu 1040) trong năm bạn nhận được.

Ví dụ 2. Bạn đang tự kinh doanh và là thành viên của câu lạc bộ trao đổi. Câu lạc bộ sử dụng “đơn vị tín dụng” làm phương tiện trao đổi. Bạn nhận được đơn vị tín dụng vào trương mục của mình cho hàng hóa hoặc dịch vụ mà bạn cung cấp cho các thành viên, và bạn có thể sử dụng số đơn vị tín dụng trên để mua hàng hóa hoặc dịch vụ do những thành viên khác trong câu lạc bộ cung cấp. Câu lạc bộ trừ các đơn vị tín dụng từ trương mục của bạn khi bạn nhận hàng hóa hoặc dịch vụ từ các thành viên khác. Bạn phải tính vào thu nhập của mình giá trị của các đơn vị tín dụng được thêm vào trương mục, mặc dù bạn có thể không thực sự nhận được hàng hóa hoặc dịch vụ từ các thành viên khác cho đến năm thuế sau đó.

Ví dụ 3. Bạn đang sở hữu một tòa nhà chung cư nhỏ. Một nghệ sĩ tặng bạn một tác phẩm nghệ thuật của mình để đổi lấy 6 tháng sử dụng căn hộ miễn phí. Bạn phải khai báo thu nhập cho thuê nhà trên Bảng E (Mẫu 1040), Thu nhập và Lỗ bổ sung, đối với giá trị thị trường hợp lý của tác phẩm nghệ thuật và nghệ sĩ phải khai báo thu nhập trên Bảng C (Mẫu 1040) đối với giá trị cho thuê hợp lý của căn hộ.

Mẫu 1099-B từ hoạt động trao đổi. Nếu bạn đã trao đổi tài sản hoặc dịch vụ thông qua sàn giao dịch trao đổi, Mẫu 1099-B, Tiền thu từ Giao dịch môi giới và Giao dịch trao đổi, hay một bản kê tương tự từ sàn giao dịch trao đổi sẽ được gửi cho bạn không muộn hơn ngày 15 tháng 2, 2024. Tài liệu này phải hiển thị giá trị tiền mặt, tài sản, dịch vụ, tín dụng hoặc bản thảo mà bạn nhận được từ giao dịch trao đổi trong năm 2023. IRS cũng sẽ nhận một bản sao của Mẫu 1099-B.

Nợ được hủy

Trong hầu hết các trường hợp, nếu khoản nợ của bạn được hủy bỏ hay được bỏ qua, ngoài quà tặng hoặc di sản, bạn phải tính số tiền được hủy vào thu nhập của bạn. Bạn không có thu nhập từ khoản nợ được hủy nếu khoản tiền đó được dành cho bạn như quà tặng. Một khoản nợ bao gồm bất kỳ khoản nợ nào mà bạn phải chịu trách nhiệm hoặc gắn liền với tài sản mà bạn nắm giữ.

Nếu khoản nợ là khoản nợ phi kinh doanh, hãy khai báo số tiền được hủy trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8c. Nếu đó là một khoản nợ kinh doanh, hãy khai báo số tiền trên Bảng C (Mẫu 1040) (hoặc trên Bảng F (Mẫu 1040), Lợi nhuận hoặc Lỗ từ nông nghiệp, nếu nợ là nợ nông nghiệp và bạn là nhà nông).

Mẫu 1099-C. Nếu cơ quan chính quyền liên bang, cơ quan tài chính hoặc công đoàn tín dụng hủy bỏ hoặc bỏ qua khoản nợ của bạn từ \$600 trở lên, bạn sẽ nhận được Mẫu 1099-

C, Hủy nợ. Số tiền nợ được hủy được thể hiện trong ô 2.

Tiền lãi nằm trong nợ được hủy. Nếu bất kỳ khoản lãi nào được bỏ qua và được gộp trong nợ được hủy trong ô 2, thì số tiền lãi cũng sẽ được hiển thị trong ô 3. Việc bạn có phải gộp phần lãi của khoản nợ được hủy vào thu nhập của quý vị hay không phụ thuộc vào việc liệu khoản lãi đó có được khấu trừ khi bạn thanh toán hay không. Xem Nợ có thể khấu trừ trong mục *Ngoại Lệ* ở phần sau.

Nếu tiền lãi không được khấu trừ (ví dụ lãi cho một khoản vay cá nhân), hãy gộp vào thu nhập của bạn số tiền từ ô 2 của Mẫu 1099-C. Nếu tiền lãi được khấu trừ (ví dụ khoản vay kinh doanh), hãy gộp vào thu nhập của bạn số tiền ròng của khoản nợ được hủy (số tiền được hiển thị trong ô 2 trừ đi số tiền lãi được trong hiển thị ô 3).

Vay thế chấp được chiết khấu. Nếu cơ quan tài chính của bạn đề nghị giảm giá cho khoản thanh toán sớm khoản vay thế chấp,

số tiền giảm giá sẽ là nợ được hủy. Bạn phải gộp số tiền đã hủy vào thu nhập của bạn.

Giảm khoản vay thế chấp khi bán hoặc cách xử lý khác. Nếu bạn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với một khoản vay thế chấp (nợ truy đòi) và được giải chấp khi xử lý tài sản, bạn có thể thu được lãi hoặc lỗ theo giá trị thị trường hợp lý của tài sản. Ngoài ra, trong phạm vi việc xóa bỏ khoản vay thế chấp vượt quá giá trị thị trường hợp lý của tài sản, đây là thu nhập từ việc trả nợ trừ khi đủ điều kiện để loại trừ theo mục *Nợ được loại trừ*, được trình bày ở phần sau. Khai báo bất kỳ thu nhập nào từ việc xóa bỏ khoản nợ phi kinh doanh không đủ điều kiện để loại trừ dưới dạng thu nhập khác trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8c.

Nếu bạn không phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với một khoản vay thế chấp (nợ không truy đòi) và được giải chấp khi bạn xử lý tài sản (ví dụ thông qua việc tịch thu tài sản), khoản tiền đền bù đó được gộp vào số tiền

bạn nhận được. Bạn có thể có lợi nhuận chịu thuế nếu số tiền bạn nhận được vượt quá giá trị cơ bản đã điều chỉnh trong tài sản. Khai báo bất kỳ khoản lợi nhuận nào đối với tài sản phi kinh doanh dưới dạng lãi vốn.

Xem Ấn phẩm 4681 để tìm hiểu thêm thông tin.

Nợ cổ đông. Nếu bạn là cổ đông trong một công ty và công ty hủy bỏ hoặc xóa nợ cho bạn, khoản nợ được hủy là khoản phân phối ngầm hiểu mà thường là thu nhập cổ tức của bạn. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 542, Công ty.

Nếu bạn là một cổ đông trong một công ty và hủy khoản nợ mà công ty nợ bạn, bạn thường không nhận được thu nhập. Bởi vì khoản nợ được hủy được coi như khoản đóng góp cho vốn của công ty bằng với số nợ gốc mà bạn đã hủy.

Hoàn trả nợ được hủy. Nếu bạn đã gộp số tiền được hủy vào thu nhập và sau đó trả nợ,

bạn có thể nộp đơn yêu cầu hoàn trả cho năm số tiền đã được gộp trong thu nhập. Bạn có thể nộp đơn yêu cầu theo Mẫu 1040-X, Tờ khai thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho Cá Nhân Được Điều Chỉnh nếu vẫn trong quy chế để nộp đơn yêu cầu. Thông thường, thời hạn quy chế sẽ kết thúc sau 3 năm sau ngày đáo hạn của tờ khai thuế ban đầu của bạn.

Ngoại lệ

Có một vài ngoại lệ đối với việc đưa khoản nợ được hủy vào thu nhập. Những nội dung này sẽ được giải thích ở phần tiếp theo.

Khoản vay sinh viên. Nói chung, nếu bạn chịu trách nhiệm thanh toán khoản vay và khoản vay được người khác hủy bỏ hoặc hoàn trả, bạn phải tính số tiền đã được hủy bỏ hoặc trả thay cho bạn vào tổng thu nhập của bạn cho mục đích tính thuế. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, bạn có thể loại trừ số tiền khỏi tổng thu nhập do hủy bỏ hoặc hoàn trả một số khoản vay sinh viên. Những loại trừ này dành cho:

- Hủy khoản vay sinh viên do đáp ứng các yêu cầu việc làm nhất định
- Hủy bỏ một số khoản vay sau ngày 31 tháng 12, 2020 và trước ngày 1 tháng 1, 2026 (xem Quy tắc đặc biệt đối cho các khoản vay sinh viên được giả trừ từ năm 2021 đến năm 2025.); hoặc
- Một số chương trình hỗ trợ trả nợ vay sinh viên.

Loại trừ khoản vay sinh viên được hủy do đáp ứng các yêu cầu việc làm nhất định.

Nếu khoản vay sinh viên của bạn được hủy một phần hoặc toàn bộ vào năm 2023 do đáp ứng các yêu cầu việc làm nhất định, bạn có thể không phải tính khoản nợ đã hủy vào thu nhập của mình. Để đủ điều kiện cho loại trừ liên quan đến việc làm này, khoản vay của bạn phải được thực hiện bởi một người cho vay đủ điều kiện để hỗ trợ bạn theo học tại một tổ chức giáo dục đủ điều kiện được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii). Ngoài ra, việc hủy bỏ phải tuân theo một điều khoản trong

khoản vay dành cho sinh viên rằng toàn bộ hoặc một phần khoản nợ sẽ được hủy bỏ nếu bạn làm việc:

- Cho một khoản thời gian nhất định,
- Trong một ngành nghề nhất định, và
- Cho bất kỳ lớp chủ lao động rộng lớn nào.



Việc hủy khoản vay của bạn sẽ không đủ điều kiện để được miễn thuế nếu việc đó được thực hiện bởi một tổ chức giáo dục hoặc tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(c)(3) và đã được hủy vì các dịch vụ bạn đã thực hiện cho một trong hai tổ chức đó. Xem Ngoại lệ, ở phần sau.

Tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii). Đây là một tổ chức giáo dục duy trì đội ngũ giảng viên và chương trình giảng dạy thường xuyên và thường có một lượng sinh viên đăng ký thường xuyên theo học tại nơi tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục của mình..

Người cho vay đủ điều kiện. Những người này bao gồm những điều sau đây.

1. Hoa Kỳ hoặc một công cụ hoặc cơ quan của Hoa Kỳ.
2. Một tiểu bang hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ; hoặc Đặc khu Columbia; hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào trong đó.
3. Một công ty công ích được miễn thuế theo đoạn 501(c)(3); và đã nắm quyền kiểm soát một bệnh viện tiểu bang, quận hoặc thành phố; và nhân viên của họ được coi là công chức theo luật tiểu bang..
4. Một tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii), nếu khoản vay được thực hiện:
 - a. Là một phần của thỏa thuận với một tổ chức được mô tả trong (1), (2) hoặc (3) theo đó nguồn vốn để thực hiện khoản vay được

cung cấp cho tổ chức giáo dục;
hoặc

- b. Theo một chương trình của tổ chức giáo dục được thiết kế để khuyến khích sinh viên của mình phục vụ trong những ngành nghề có nhu cầu chưa được đáp ứng hoặc ở những khu vực có nhu cầu chưa được đáp ứng, nơi các dịch vụ do sinh viên (hoặc cựu sinh viên) cung cấp là dành cho hoặc dưới sự chỉ đạo của một đơn vị chính phủ hoặc một tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(c)(3).

Quy tắc đặc biệt đối cho các khoản vay sinh viên được giả trừ từ năm 2021 đến năm 2025. Đạo luật Kế hoạch giải cứu người Mỹ năm 2021 đã sửa đổi việc xử lý khoản vay của sinh viên được xóa bỏ được giả trừ từ năm 2021 đến năm 2025. Nói chung, nếu bạn chịu trách nhiệm thanh toán khoản vay và khoản vay bị hủy hoặc được trả bởi người

khác, bạn phải bao gồm số tiền đã hủy hoặc trả thay cho mình trong tổng thu nhập của bạn cho các mục đích thuế. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, bạn có thể loại trừ số tiền này khỏi tổng thu nhập nếu khoản vay thuộc một trong các khoản sau.

- Khoản vay cho chi phí giáo dục sau trung học.
- Khoản vay cho giáo dục tư nhân. • Khoản vay từ một tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii).
- Khoản vay từ một tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(a) để tái cấp vốn cho khoản vay sinh viên.

Xem Ấn phẩm 4681 và Ấn phẩm 970 để biết thêm thông tin.

Khoản vay cho chi phí giáo dục sau trung học. Đây là bất kỳ khoản vay nào được cung cấp rõ ràng cho giáo dục sau trung học, bất kể được cung cấp thông qua tổ chức giáo dục hay trực tiếp cho người vay, nếu khoản vay

đó được thực hiện, bảo hiểm hoặc bảo đảm bởi một trong những bên sau.

- Hoa Kỳ hoặc một công cụ hoặc cơ quan của Hoa Kỳ.
- Một tiểu bang hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ; hoặc Đặc khu Columbia; hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào trong đó.
- Một tổ chức giáo dục đủ điều kiện.

Tổ chức giáo dục đủ điều kiện. Tổ chức giáo dục đủ điều kiện thường là bất kỳ trường cao đẳng, đại học, trường dạy nghề hoặc tổ chức giáo dục sau trung học nào khác được công nhận, phi lợi nhuận hoặc độc quyền (thu lợi nhuận). Ngoài ra, tổ chức này phải đủ điều kiện tham gia chương trình hỗ trợ sinh viên do Bộ Giáo dục Hoa Kỳ quản lý.

Tổ chức giáo dục đủ điều kiện cũng bao gồm một số tổ chức giáo dục nhất định ở bên ngoài Hoa Kỳ đủ điều kiện tham gia chương trình hỗ trợ sinh viên do Bộ Giáo dục Hoa Kỳ quản lý.



Tổ chức giáo dục có thể cho bạn biết liệu tổ chức giáo dục đó có đủ điều kiện hay không.

Khoản vay giáo dục tư nhân. Khoản vay giáo dục tư nhân là khoản vay được cung cấp bởi người cho vay giáo dục tư nhân mà:

- Không được sản xuất, bảo hiểm hoặc bảo đảm theo Mục IV của Đạo luật Giáo dục Đại học năm 1965; and
- Được cấp rõ ràng để thanh toán chi phí giáo dục sau trung học cho người vay, bất kể khoản vay được cung cấp thông qua tổ chức giáo dục mà sinh viên theo học hay trực tiếp cho người vay từ người cho vay giáo dục tư nhân. Khoản vay giáo dục tư nhân không bao gồm việc gia hạn tín dụng theo kế hoạch tín dụng tiêu dùng mở, giao dịch thế chấp ngược, giao dịch thế chấp nhà ở hoặc bất kỳ khoản vay nào khác được bảo đảm bằng bất động sản hoặc nhà ở.

Người cho vay giáo dục tư nhân. Người cho vay giáo dục tư nhân là một trong những người sau đây

- Một tổ chức tài chính kêu gọi, thực hiện hoặc gia hạn các khoản vay cho giáo dục tư nhân.
- Một hiệp hội tín dụng liên bang kêu gọi, thực hiện hoặc gia hạn các khoản vay cho giáo dục tư nhân.
- Bất kỳ người nào khác tham gia vào hoạt động kinh doanh chào mời, cấp hoặc gia hạn các khoản vay cho giáo dục tư nhân.



Việc hủy khoản vay của bạn sẽ không đủ điều kiện để được miễn thuế nếu khoản vay được hủy vì các dịch vụ bạn đã thực hiện cho người cho vay giáo dục tư nhân đã thực hiện khoản vay hoặc người khác tổ chức đã cung cấp vốn.

Khoản vay từ một tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii). Đây

là bất kỳ khoản vay nào được tổ chức thực hiện nếu khoản vay được thực hiện:

- Là một phần của thỏa thuận với một thực thể được mô tả trước đó, theo đó nguồn vốn để thực hiện khoản vay được cung cấp cho tổ chức giáo dục; hoặc
- Theo một chương trình của tổ chức giáo dục được thiết kế để khuyến khích sinh viên của mình phục vụ trong những ngành nghề có nhu cầu chưa được đáp ứng hoặc ở những khu vực có nhu cầu chưa được đáp ứng, nơi các dịch vụ được cung cấp bởi sinh viên (hoặc cựu sinh viên) là dành cho hoặc dưới sự quản lý của chỉ đạo của một đơn vị chính phủ hoặc tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(c)(3).

Tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b) (1)(A)(ii). Đây là một tổ chức giáo dục duy trì đội ngũ giảng viên và chương trình giảng dạy thường xuyên và thường có lượng sinh viên đăng ký thường xuyên theo học tại

nơi tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục của mình.



Việc hủy khoản vay của bạn sẽ không đủ điều kiện để được miễn thuế nếu việc đó được thực hiện bởi một tổ chức giáo dục, miễn thuế đoạn 501(c)(3) hoặc tổ chức cho vay giáo dục tư nhân (như được định nghĩa trong đoạn 140(a)(7) của Đạo luật Cho vay đúng sự thật) và đã được hủy vì các dịch vụ bạn đã thực hiện cho tổ chức đó hoặc người cho vay giáo dục tư nhân. Xem Ngoại lệ, ở phần sau.

Tổ chức theo đoạn 501(c)(3). Đây là bất kỳ công ty cổ phần, tổ chức cộng đồng, quỹ hoặc tổ chức nào được tổ chức và vận hành riêng cho một hoặc nhiều mục đích sau.

- Từ thiện.
- Tôn giáo.
- Giáo dục.
- Khoa học.

- Văn học.
- Thử nghiệm vì an toàn công cộng.
- Thúc đẩy các cuộc thi đấu thể thao nghiệp dư trong nước hoặc quốc tế (nhưng chỉ khi không có hoạt động nào liên quan đến việc cung cấp cơ sở vật chất hoặc thiết bị thể thao).
- Ngăn chặn hành vi tàn ác đối với trẻ em hoặc động vật.

Ngoại lệ. Trong hầu hết các trường hợp, việc hủy bỏ khoản vay dành cho sinh viên do một tổ chức giáo dục thực hiện vì các dịch vụ bạn đã thực hiện cho tổ chức đó hoặc tổ chức khác đã cung cấp vốn cho khoản vay phải được tính vào tổng thu nhập trên tờ khai thuế của bạn..

Khoản vay tái cấp vốn. Nếu bạn tái cấp vốn cho khoản vay sinh viên bằng một khoản vay khác từ một tổ chức giáo dục đủ điều kiện hoặc một tổ chức được miễn thuế thì khoản vay đó cũng có thể được coi là do một người

cho vay đủ điều kiện thực hiện. Khoản vay tái cấp vốn được coi là do người cho vay đủ điều kiện thực hiện nếu nó được thực hiện theo chương trình của tổ chức tái cấp vốn được thiết kế để khuyến khích sinh viên phục vụ trong những ngành nghề có nhu cầu chưa được đáp ứng hoặc ở những khu vực có nhu cầu chưa được đáp ứng nơi mà các dịch vụ được yêu cầu dành cho sinh viên là dành cho hoặc dưới mức sự chỉ đạo của một đơn vị chính phủ hoặc một tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(c)(3).

Hỗ trợ trả nợ vay sinh viên. Các khoản trả nợ khoản vay sinh viên cho bạn sẽ được miễn thuế nếu bạn nhận được chúng vì bất kỳ lý do nào sau đây.

- Chương trình hoàn trả khoản vay của Cơ quan Dịch vụ Y tế Quốc gia (NHSC).
- Chương trình hoàn trả khoản vay giáo dục của tiểu bang đủ điều kiện nhận tài trợ theo Đạo luật Dịch vụ Y tế công cộng.

- Bất kỳ chương trình hoàn trả khoản vay hoặc xóa nợ nào khác của tiểu bang nhằm cung cấp sự sẵn có ngày càng tăng của các dịch vụ y tế ở những khu vực thiếu hụt dịch vụ y tế hoặc thiếu hụt chuyên gia y tế (do tiểu bang đó xác định).



Bạn không thể khấu trừ tiền lãi bạn đã trả cho khoản vay sinh viên trong phạm vi các khoản thanh toán được thực hiện thông qua việc bạn tham gia vào bất kỳ chương trình nào ở trên.

Nợ có thể khấu trừ. Bạn không có thu nhập từ việc hủy nợ nếu khoản thanh toán khoản nợ của bạn được khấu trừ. Ngoại lệ này chỉ áp dụng nếu bạn sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt. Để biết thêm thông tin, xem chương 5 của Ấn phẩm 334, Hướng dẫn Thuế cho Doanh Nghiệp Nhỏ.

Giá được giảm sau khi mua. Trong hầu hết các trường hợp, nếu người bán giảm số nợ bạn phải trả cho bất động sản bạn đã mua, bạn sẽ không có thu nhập từ việc giảm giá.

Việc giảm nợ được coi là điều chỉnh giá mua và giảm giá trị cơ bản của bạn trong tài sản.

Nợ được loại trừ. Không gộp khoản nợ được hủy vào tổng thu nhập của bạn trong các trường hợp sau.

- Khoản nợ được hủy trong một trường hợp vỡ nợ theo tiêu đề 11 của Bộ luật Hoa Kỳ. Xem Ấn phẩm 908, Hướng dẫn Thuế Khi Vỡ Nợ.
- Khoản nợ sẽ được hủy khi bạn phá sản. Tuy nhiên, bạn không thể loại trừ bất kỳ nợ được hủy nào nhiều hơn số tiền bạn mất khả năng thanh toán. Xem Ấn phẩm 908.
- Khoản nợ là nợ nông nghiệp đủ điều kiện và được hủy bỏ bởi một người có đủ điều kiện. Xem chương 3 của Ấn phẩm 225, Hướng dẫn Thuế Cho Nông Dân.
- Khoản nợ đủ điều kiện là khoản nợ kinh doanh bất động sản. Xem chương 5 của Ấn phẩm 334.

- Việc hủy bỏ với mục đích làm quà tặng.
- Khoản nợ đủ điều kiện là khoản nợ nơi cư trú chính.

Xóa các khoản vay của Chương trình Bảo vệ tiền lương (PPP). Việc xóa nợ khoản vay PPP tạo ra thu nhập được miễn thuế, do đó, mặc dù bạn không cần khai báo thu nhập từ việc xóa nợ khoản vay PPP trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, bạn vẫn cần phải khai báo một số thông tin nhất định liên quan đến khoản vay theo PPP của bạn.

Quy trình Thuế vụ 2021-48, 2021-49 I.R.B. 835, cho phép người đóng thuế coi thu nhập được miễn thuế từ việc xóa nợ khoản vay PPP là đã nhận hoặc tích lũy (1) và trong phạm vi mà các chi phí đủ điều kiện được thanh toán hoặc phát sinh; (2) khi bạn nộp đơn xin xóa khoản vay PPP; hoặc (3) khi được phép xóa khoản vay PPP. Nếu bạn có thu nhập được miễn thuế do được miễn khoản vay PPP, hãy đính kèm bản tường trình vào tờ khai thuế của bạn để khai báo mỗi năm thuế để mà bạn

áp dụng Quy trình Thuế vụ 2021-48 và phần nào của Quy trình Thuế vụ 2021-48 bạn đang áp dụng – phần 3.01(1), (2) hoặc (3). Mọi tường trình đều phải bao gồm thông tin sau cho mỗi khoản vay PPP.

1. Tên, địa chỉ và ITIN hoặc SSN của bạn;
2. Bản tường trình rằng bạn đang áp dụng hoặc đã áp dụng mục 3.01(1), (2) hoặc (3) của Quy trình Thuế vụ 2021-48, và cho năm thuế nào;
3. Số tiền thu nhập được miễn thuế từ việc xóa nợ khoản vay PPP mà bạn đang coi là đã nhận hoặc tích lũy và cho năm thuế; và
4. Liệu khoản vay PPP có được miễn kể từ ngày bạn nộp tờ khai hay không.

Ghi “ RP 2021-48” ở trên đầu của bản tường trình đính kèm.

Người tổ chức

Nếu bạn tổ chức một bữa tiệc hoặc sự kiện mà tại đó hoạt động bán hàng được thực hiện, bất kỳ món quà hoặc khoản tiền thưởng nào bạn nhận được cho sự kiện đó đều là khoản thanh toán cho người bán trực tiếp bán hàng. Bạn phải khai báo mặt hàng này dưới dạng thu nhập theo giá trị thị trường hợp lý của nó.

Chi phí ngoài bữa tiệc của bạn phải tuân theo giới hạn 50% cho chi phí ăn uống. Đối với các năm tính thuế từ 2018 và sau đó, không được phép khấu trừ bất kỳ khoản chi phí nào liên quan đến các hoạt động được coi là tiêu khiển, vui chơi hoặc giải trí. Người đóng thuế có thể tiếp tục khấu trừ 50% chi phí bữa ăn kinh doanh nếu người đóng thuế (hoặc nhân viên của người đóng thuế) có mặt và thực phẩm hoặc đồ uống không được coi là xa hoa hoặc hoang phí. Các bữa ăn có thể được phục vụ cho khách hàng doanh nghiệp hiện tại hoặc tiềm năng, khách hàng, nhà tư vấn hoặc

người liên hệ kinh doanh tương tự. Thực phẩm và đồ uống được phục vụ trong các sự kiện giải trí sẽ không được coi là mang tính giải trí nếu được mua riêng ngoài sự kiện.

Để tìm hiểu thêm thông tin về giới hạn cho chi phí bữa ăn, tham khảo Ấn phẩm 463, Chi phí đi lại, quà tặng, và xe hơi.

Tiền bảo hiểm nhân thọ

Tiền bảo hiểm nhân thọ được trả cho bạn vì người được bảo hiểm qua đời sẽ không phải chịu thuế trừ khi hợp đồng bảo hiểm được chuyển cho bạn với một mức giá cụ thể. Điều này đúng ngay cả khi tiền thu được thanh toán theo hợp đồng bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe hoặc hợp đồng hỗn hợp. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi được nhận từ tiền bảo hiểm nhân thọ có thể bị đánh thuế.

Tiền được nhận không phải là trả góp.

Nếu tiền tử tuất được trả cho bạn một lần hoặc khác với định kỳ, chỉ tính vào thu nhập của quý vị quyền lợi mà nó nhiều hơn số tiền

phải trả tại thời điểm người được bảo hiểm qua đời. Nếu quyền lợi bồi thường tử vong không được nêu rõ, bạn sẽ gộp vào thu nhập của bạn khoản thanh toán quyền lợi nhiều hơn giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tại thời điểm có sự kiện qua đời.

Tiền được nhận là trả góp. Nếu bạn nhận tiền bảo hiểm nhân thọ theo từng đợt, bạn có thể loại trừ một phần của khoản thanh toán theo từng đợt khỏi thu nhập của bạn.

Để xác định phần bị loại trừ, hãy chia số tiền mà công ty bảo hiểm nắm giữ (thường là tổng số tiền phải trả một lần khi người được bảo hiểm qua đời) cho số lần trả góp. Tính bất cứ điều gì trên phần bị loại trừ này vào thu nhập của bạn dưới dạng tiền lãi.

Vợ/chồng còn lại. Nếu người vợ/chồng của bạn qua đời trước ngày 23 tháng 10, 1986 và số tiền bảo hiểm được trả vì cái chết của vợ/chồng của bạn được nhận theo từng đợt, bạn có thể loại trừ tiền lãi lên đến \$1.000 một

năm theo từng đợt. Nếu bạn tái hôn, bạn có thể tiếp tục thực hiện trường hợp loại trừ.

Giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt. Nếu bạn giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt, bạn phải tính vào thu nhập bất kỳ khoản tiền nhận được mà nhiều hơn chi phí của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Trong hầu hết các trường hợp, chi phí của bạn (hay khoản đầu tư vào hợp đồng) là tổng số phí bảo hiểm mà bạn đã trả theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, trừ đi mọi khoản phí bảo hiểm được hoàn lại, khoản giảm giá, cổ tức hay các khoản cho vay chưa thanh toán không được gộp trong thu nhập của bạn.

Bạn sẽ nhận được Mẫu 1099-R thể hiện tổng số tiền thu được và phần chịu thuế. Khai báo số tiền này trên dòng 5a và 5b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin, xem mục *Tiền bảo hiểm Nhân thọ* trong Ấn phẩm 525.

Tiền thu được từ Hợp đồng Bảo hiểm hỗn hợp

Hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp là một hợp đồng mà theo đó bạn được trả một số tiền cụ thể vào một ngày nhất định trừ khi bạn chết trước ngày đó, trong trường hợp đó, số tiền được trả cho người thụ hưởng được chỉ định của bạn. Tiền từ hợp đồng trên được trả một lần cho bạn khi đáo hạn chỉ bị đánh thuế nếu số tiền thu được nhiều hơn chi phí của hợp đồng. Để xác định chi phí, hãy trừ bất kỳ số tiền nào mà bạn đã nhận trước đó theo hợp đồng và loại trừ thu nhập của bạn khỏi tổng phí bảo hiểm (hoặc trường hợp khác) đã trả cho hợp đồng. Tính vào thu nhập của bạn phần thanh toán một lần nhiều hơn chi phí của bạn.

Quyền lợi Bồi thường tử vong trả trước

Một số khoản tiền nhất định được thanh toán như quyền lợi bồi thường tử vong trả trước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hoặc dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ trước khi người được bảo hiểm qua đời sẽ bị loại trừ

khỏi thu nhập nếu người được bảo hiểm bị bệnh giai đoạn cuối hoặc mãn tính.

Dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ. Đây là việc mua bán hoặc chuyển nhượng bất kỳ phần nào của quyền lợi bồi thường tử vong theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho bên có dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ. Bên có dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ thường xuyên tham gia vào hoạt động kinh doanh mua bán hoặc nhận chuyển nhượng các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho những cá nhân được bảo hiểm bị bệnh giai đoạn cuối hoặc bệnh mãn tính và đáp ứng các yêu cầu của mục 101 (g) (2) (B) của Luật Thuế Vụ.

Loại trừ đối với bệnh giai đoạn cuối.

Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước hoàn toàn có thể được loại trừ nếu người được bảo hiểm là người bệnh giai đoạn cuối. Đây là người đã được bác sĩ chứng nhận là mắc bệnh hoặc có tình trạng thể chất có thể dẫn đến tử vong một cách hợp lý trong vòng 24 tháng kể từ ngày được xác nhận.

Loại trừ đối với bệnh mãn tính. Nếu người được bảo hiểm là cá nhân bị bệnh mãn tính không phải giai đoạn cuối, có thể loại trừ hoàn toàn quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả trên cơ sở chi phí phát sinh cho các dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ điều kiện. Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả mỗi lần hoặc chu kỳ khác được loại trừ đến một giới hạn. Đối với năm 2023, hạn mức là \$420. Quy định áp dụng cho tổng quyền lợi bồi thường tử vong trả trước và bất kỳ khoản thanh toán theo kỳ nào nhận được từ các hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Để tìm hiểu thông tin về hạn mức và định nghĩa của cá nhân bị bệnh mãn tính, dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ điều kiện và hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn, tham khảo *Long-Term Care Insurance Contracts (Hợp đồng Bảo hiểm chăm sóc dài hạn)* trong mục *Sickness and Injury Benefits (Quyền lợi Ốm đau và thương tật)* trong Ấn phẩm 525.

Ngoại lệ. Loại trừ không áp dụng cho bất kỳ số tiền nào trả cho một người (không phải người được bảo hiểm) có quyền lợi được bảo hiểm trong cuộc đời của người được bảo hiểm vì người được bảo hiểm:

- Là giám đốc, lãnh đạo cấp cao hoặc nhân viên của người đó; hoặc
- Có lợi ích tài chính trong hoạt động kinh doanh của người đó.

Mẫu 8853. Để yêu cầu loại trừ quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được thực hiện mỗi lần hoặc theo chu kỳ khác, bạn phải nộp Mẫu 8853, Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA và Hợp đồng Bảo hiểm Chăm sóc Dài hạn, kèm theo tờ khai thuế i của bạn. Bạn không cần phải nộp Mẫu 8853 để loại trừ quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Nhân viên An ninh Công cộng tử vong hoặc bị thương trong nhiệm vụ

Vợ/chồng, vợ/chồng cũ và con của một nhân viên an ninh công cộng bị giết trong khi thi hành công vụ có thể loại bỏ tra khảo tổng thu nhập khoản quyền lợi cho người còn sống được nhận từ chương trình mục 401 (a) của chính quyền tri ân cho sự phục vụ của nhân viên. Xem phần 101(h).

Một nhân viên an ninh công cộng bị tàn tật vĩnh viễn và toàn bộ hay chết trong quá trình thi hành công vụ và vợ/chồng hay con còn sống có thể loại khỏi thu nhập khoản tiền tử tuất hay quyền lợi cho người khuyết tật được nhận từ Cục Hỗ trợ Tư pháp liên bang hoặc tiền tử tuất do chương trình của tiểu bang trả. Xem phần 104(a)(6).

Vì mục đích này, thuật ngữ “nhân viên an ninh công cộng” bao gồm các nhân viên thi hành pháp luật, lính cứu hỏa, tuyên úy và đội cứu hộ và thành viên đội cứu thương. Để biết

thêm thông tin, xem Ấn phẩm 559, Người Còn Sống, Người Thi Hành và Người Quản Lý.

Thu nhập từ Công ty Hợp danh

Công ty Hợp danh thường không phải là thực thể chịu thuế. Thu nhập, lãi, lỗ, khấu trừ và tín thuế của công ty hợp danh được chuyển cho các thành viên dựa trên tỷ lệ phân phối của mỗi thành viên trong các khoản này.

Bảng K-1 (Mẫu 1065). Mặc dù công ty hợp danh thường không trả thuế, nhưng phải nộp tờ khai thông tin trên Mẫu 1065, Tờ khai của Hoa Kỳ cho thu nhập từ Công ty Hợp danh và gửi Bảng K-1 (Mẫu 1065) cho từng thành viên. Ngoài ra, hợp danh sẽ gửi cho mỗi thành viên một bản sao của Hướng dẫn cho Thành viên trên Bảng K-1 (Mẫu 1065) để giúp thành viên khai báo phần thu nhập, khấu trừ, tín thuế và các khoản ưu đãi thuế của thành viên.



Giữ Bảng K-1 (Mẫu 1065). Đừng đính kèm vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của

bạn, trừ khi bạn được yêu cầu một cách cụ thể.

Để biết thêm thông tin về hình thức hợp tác kinh doanh, tham khảo Ấn phẩm 541, Hợp Danh.

Liên doanh đủ điều kiện. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn đều tham gia với tư cách là thành viên duy nhất của một doanh nghiệp đồng sở hữu và điều hành, và bạn khai thuế chung cho năm tính thuế, bạn có thể thực hiện lựa chọn chung một lần để được coi là một liên doanh đủ điều kiện thay vì hợp danh. Để thực hiện điều này, bạn phải phân chia tất cả các khoản thu nhập, lãi, lỗ, khoản khấu trừ và tín thuế cho công việc kinh doanh giữa bạn và vợ/chồng của bạn sao cho phù hợp với lợi ích tương ứng của bạn trong liên doanh. Để biết thêm thông tin về cách thực hiện lựa chọn và (các) bản liệt kê để nộp, hãy tham khảo hướng dẫn cho tờ khai thuế cá nhân của bạn.